

Bản án số: 53/2024/HS-ST  
Ngày: 15-4-2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH ĐỒNG NAI

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Viên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Lê Xuân Nghĩa.
- Ông Hoàng Luật.

**Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 28/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số /2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số /2024/HSST-QĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đăng G** - sinh năm 1968 tại Hưng Yên.  
Nơi cư trú: ấp 9, xã G, huyện D, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 5/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Đăng P (đã chết) và bà Nguyễn Thị V (đã chết); có vợ Trần Thị H, sinh năm 1969 và 04 người con lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền án: Không; tiền sự: Không.

**\* Về nhân thân:** Ngày 18/11/2004, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào Cơ sở giáo dục P, tỉnh Đồng Nai 24 tháng về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo được khởi tố tại ngoại, áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến ngày 18/3/2024 bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện D cho đến nay “có mặt”.

- **Bị hại:** Bà Phạm Thị T, sinh năm 1966. Nơi cư trú: KDC 2, ấp 9, xã G, huyện D, tỉnh Đồng Nai “vắng mặt”.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Anh Đỗ Ngọc T, sinh năm 1972. Địa chỉ: khu phố H, thị trấn D, huyện D, tỉnh Đồng Nai “vắng mặt”.

2/ Ông Lê Văn T. Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện T1, tỉnh Đồng Nai “vắng

mặt”.

3/ Anh Nguyễn Hữu X, sinh năm 1972. Địa chỉ: khu dân cư 3, ấp 9, xã G, huyện D, tỉnh Đồng Nai “vắng mặt”.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 12/01/2022, Nguyễn Đăng G đi bộ từ nhà của G đến khu dân cư 2, ấp 9, xã G, huyện D, tỉnh Đồng Nai xem nhà nào có sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi G đi đến nhà bà Phạm Thị T thì thấy nhà có mỗi mình bà T ở nhà, G chờ đến khoảng 01 giờ 30 phút sáng ngày 13/01/2022, khi bà T đã ngủ say thì G đi ra phía sau trèo hàng rào B40 vào bên trong nhà.

Do các cửa ra vào nhà bà T đã khóa bên trong nên G đã dùng một cây tầm vông dài khoảng 02m nhặt được ở gần đó đập kính và cạy khung sắt cửa sổ thông gió bên hông nhà bà T tạo thành lỗ hổng rồi trèo vào trong nhà. G lấy 07 quần tây học sinh đang để trên bàn ở phòng khách, 06 áo sơ mi học sinh treo trên sào phơi đồ. Sau đó, G đi vào phòng ngủ đầu tiên lục ngăn kéo tủ nhựa (loại tủ 05 ngăn) lấy 01 túi xách bên trong có 19.200.000 đồng tiền mặt, 01 thẻ ATM Ngân hàng BIDV, 01 giấy chứng minh nhân dân. Sau khi trộm cắp tài sản xong, G về nhà. Đến khoảng 05 giờ 30 phút cùng ngày G mang những bộ áo quần đồng phục học sinh bỏ ở nhà của anh Nguyễn Hữu X. Số tiền mặt trộm được G mua 01 xe mô tô cũ với giá 9.800.000 đồng, số tiền còn lại G dùng để mua vé số của những người bán hàng rong rồi cho người đi đường vé số đã mua. Ngoài ra, G còn cho những người khuyết tật số tiền từ 1.000.000 đồng – 2.000.000 đồng. Qua công tác truy xét, lực lượng Công an đã mời Nguyễn Đăng G về làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện D, Nguyễn Đăng G đã khai nhận hành vi phạm tội của bản thân (Bút lục số 58-63).

#### **\* Tài sản thiệt hại:**

- 19.200.000 đồng tiền mặt.
- 07 quần tây màu xanh đen và 06 áo sơ mi trắng.
- 01 túi xách màu đen, 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV và 01 giấy chứng minh nhân dân.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản ngày 22/02/2022, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự, kết luận: Tổng trị giá tài sản thiệt hại là 22.130.000 đồng (bút lục số 31).

#### **\* Vật chứng vụ án:**

- Số tiền 1.990.000 đồng thu giữ trong người Nguyễn Đăng G; 01 xe mô tô hiệu Honda Wave S màu đỏ, biển số 60N9-2155, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 60N9-2155 và giấy mua bán xe; 07 quần tây màu xanh đen và 06 áo sơ mi trắng; 01 túi xách màu đen, 01 thẻ ATM Ngân hàng BIDV và 01 Chứng minh nhân dân.

- 01 cây tầm vông dài 02m, đường kính 0,4m.

Tại Cáo trạng số 86/CT-VKSDQ ngày 04 tháng 7 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự tuyên bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 02 tháng tù.

Kiểm sát viên còn nêu quan điểm về biện pháp tư pháp và án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Bị cáo thống nhất về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo không có ý kiến hay tranh luận gì khác.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin giảm nhẹ hình phạt.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ để kết tội đối với bị cáo: Căn cứ vào bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung và sự thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo và lời khai của bị hại phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ, thể hiện: Khoảng 01 giờ 30 phút sáng ngày 13/01/2022, tại khu dân cư 2, ấp 9, xã G, huyện D, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Đăng G đã có hành vi lén lút trộm cắp của bà Phạm Thị T: số tiền mặt 19.200.000 đồng; 07 quần tây màu xanh đen; 06 áo sơ mi trắng; 01 túi xách màu đen; 01 thẻ ATM Ngân hàng BIDV và 01 Chứng minh nhân dân. Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 22.130.000 đồng. Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng số 86/CT-VKSDQ ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố bị cáo Nguyễn Đăng G về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng

vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử với mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi của bị cáo gây ra, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, năn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, tài sản đã thu hồi một phần trao trả cho chủ sở hữu, bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Bị cáo được tại ngoại trong quá trình điều tra, truy tố, khi Tòa án thụ lý vụ án xét thấy bị cáo đủ điều kiện tại ngoại nên Tòa án đã áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo. Sau đó, Tòa án có tiến hành triệu tập bị cáo để tổng đạt Lệnh cấm khỏi nơi cư trú, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị cáo đều không đến. Điều này thể hiện thái độ coi thường pháp luật của bị cáo, gây khó khăn cho hoạt động xét xử. Mặt khác, bản thân bị cáo có nhân thân xấu từng vi phạm pháp luật về hành vi trộm cắp tài sản. Vì vậy, phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bà Phạm Thị T đã nhận lại được một phần tài sản thiệt hại gồm 1.990.000đ tiền mặt, 01 xe mô tô hiệu Honda Wave S màu đỏ, biển số 60N9-2155 trị giá 9.800.000đ, 07 quần tây màu đen và 06 áo sơ mi trắng, 01 túi xách màu đen, 01 thẻ ATM Ngân hàng BIDV và 01 CMND, bà T không yêu cầu bị cáo G bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[7] Về vật chứng vụ án:

- Số tiền 1.990.000 đồng thu giữ trong người Nguyễn Đăng G; 01 xe mô tô hiệu Honda Wave S màu đỏ, biển số 60N9-2155, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 60N9-2155 và giấy mua bán xe; 07 quần tây màu xanh đen và 06 áo sơ mi trắng; 01 túi xách màu đen; 01 thẻ ATM Ngân hàng BIDV và 01 Chứng minh nhân dân. Đây là tài sản hợp pháp của bà Phạm Thị T nên Cơ quan điều tra đã trao trả cho bà T.

- Đối với cây tầm vông dài 02m, đường kính 0,4m là công cụ mà Nguyễn Đăng G dùng để thực hiện hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả, khi nào tìm được xử lý sau.

- Đối với số tiền 7.410.000 đồng (trong tổng số tiền 19.2000.000đ) là tiền bị cáo G có được từ hành vi trộm cắp tài sản là tiền thu lợi bất chính nên buộc bị cáo phải nộp lại để sung công quỹ Nhà Nước.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Đề nghị của Viện kiểm sát: Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, biện

pháp tư pháp trong vụ án là phù hợp, có căn cứ chấp nhận. Đối với mức hình phạt đối với bị cáo mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là chưa nghiêm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b, khoản 2, Điều 106;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đăng G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng G 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/3/2024.

2. Buộc bị cáo Nguyễn Đăng G phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính 7.410.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm mười nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đăng G phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an H. D;
- VKSND H. D ;
- CCTHADS H. D;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- UBND cấp xã;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ thi hành án;
- Lưu AV, HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Viễn**















**Nơi nhận:**  
- TAND tỉnh Đồng Nai;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an H. D;
- VKSND H. D ;
- CCTHADS H. D;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- UBND cấp xã;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ thi hành án;
- Lưu AV, HS;

**Trần Thị Viễn**

\